

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 203/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 6 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Ông Nguyễn Văn Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/05/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thanh Th, sinh năm 1984; địa chỉ: số 118 đường Phạm Nhơn Thuận, khóm ML, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp BP, xã BPX, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thanh Th trình bày:

Bà Võ Thanh Th và ông Trần Văn T đi đến hôn nhân vào năm 2004, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố c, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, ông T không chăm sóc cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên giữa bà Th, ông T không sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Bà Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thành Đ, sinh ngày 31/5/2005 và Trần Đan Th, sinh ngày 21/5/2015 hiện đang sống với bà Th, khi ly hôn bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Văn T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai thể hiện ông Trần Văn T nhận văn bản của Tòa án. Tuy nhiên, ông T từ chối ký tên. Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn T.

Tại phiên tòa bà Võ Thanh Th vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thanh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T, về con chung bà yêu cầu được nuôi nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Phú, xã BPX, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần Văn T không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Trần Văn T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Võ Thanh Th và ông Trần Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà Th cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay, từ khi ly thân cho đến nay ông T không đến thăm con, hay quan tâm chăm sóc con chung, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà Th có yêu cầu được ly hôn ông T là hoàn

toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Thành Đ, sinh ngày 31/5/2005 và Trần Đan Th, sinh ngày 21/5/2015 hiện đang sống với bà Th, khi ly hôn bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung. Nên, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Võ Thanh Th được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh Th, bà Võ Thanh Th được ly hôn với ông Trần Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, ngày 03 tháng 11 năm 2004 do Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Trần Văn T và bà Võ Thanh Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: bà Võ Thanh Th được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thành Đ, sinh ngày 31/5/2005 và Trần Đan Th, sinh ngày 21/5/2015, ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: bà Võ Thanh Th phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006100, ngày 24/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSPA.

**Trần Ngọc Diệu**